

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/05/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+RP2+RP3+MRM	7:25	4+8+0+4	0+0+0+0		0+2+2+6	0+0+0+0	chuyen 2 rp2-rp3
2		TD3+TTc1+BK19	7:25	20+0+0	0+0+0		-17+0+1	0+0+0	chuyen 4 ttcl-bk19
3		BK10+PBDA+TD2	9:25	5+1+15	0+0		0+1+22	0+0	
4		GTc1+BK4+TD1	9:25	2+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 gtcl-bk4
5		P2+CTK3+C10	11:25	2+5+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 p2-ctk3
6		SAVR+CTK3	11:25	8+12	0+0		0+0	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người bk19 về đi BK21 chuyển sau (PBDA)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK8 - RP2 - RP3 - MRM	CREW: VIỆT - SON - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2046	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ NGỌC BÈN	BK8	29	1	15			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA CUƠNG	BK8	92-93	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	BK8	90-91	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THANH	BK8	89	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUNG	RP2	87-88	2	17			58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RP2	91	1	16			76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VIỆT HUAN	RP2	94	1	12	1	25	72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NAM THĂNG	RP2	92	1	13			103	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN QUANG VŨ	RP2	93	1	16			69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG BA PHƯƠNG	RP2	89	1	15			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGO XUAN HIẾU	RP2	84-86	3	20			74	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	DƯƠNG LÊ LẬP	RP2	90	1	9			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	ĐỖ MINH THUẬN	RP2	82-83	2	14			76	PSV	Vietnamese
14	LE TRUNG HIEU	MRM	40-41	2	17			58	PVD BH	Vietnamese
15	TRẦN VĂN BÌNH	MRM	43	1	9			64	VTB	Vietnamese
16	TRẦN TUẤN DŨNG	MRM	42	1	8	3	116	89	VTB	Vietnamese
17	NGUYỄN TRẦN NGUYỄN	MRM	04-05	2	7			66	VTB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	4	296	6	60	0	0	0		
2	RP2	9	651	13	132	1	25	2	+2	CHUYỂN 2 RP2 SANG RP3
3	RP3	0	0	0	0	0	0	2		
4	MRM	4	277	6	41	3	116	6		
TOTAL		17	1.224	25	233	4	141	10		
WEIGHT KG			1.224		233		141			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3 - TTC1 - BK19	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2049	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HỒ VĂN TIẾN	TD3	30	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ TIẾN LỰC	TD3	25	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN TUẤN	TD3	40	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGỌC NGHĨA	TD3	29	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
5	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	32	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	41	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THÀNH	TD3	46	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	33-34	2	17			74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	43	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	26	1	3	4	59	62	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ NGỌC THANH	TD3	53	1	5	2	28	66	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	31	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG HUY LONG	TD3	42	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	27	1	13			84	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG VĂN XUYẾN	TD3	44-45	2	7			71	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THỊNH	TD3	36-37	2	19			77	KHOAN	Vietnamese
17	FAHREZA FARKHAN AKBAR	TD3	38-39	2	20			103	KHOAN	Indonesian
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	35	1	8			67	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT LỘC	TD3	24	1	3			58	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC CUÔNG 1967	TD3	28	1	7			56	PSV	Vietnamese
21	LE HONG LINH	BK19	10	1	11	2	40	83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	20	1.429	24	162	6	87	17		
2	TTC1	0	0	0	0	2	25	0	CHUYỂN 4 PAX TTC1-BK19	
3	BK19	1	83	1	11	2	40	1		
TOTAL		21	1.512	25	173	10	152	18		
WEIGHT KG			1.512		173		152			

GRAND TOTAL: 1.837 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK10 - PBDA - TD2	CREW: QVIỆT - SON - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2047	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO ĐỨC THAI	BK10	48-49	2	20			89	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG HÙNG	BK10	47	1	16			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HOANG NAM	BK10	52	1	13	2	30	78	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM VAN HANH	BK10	46	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VU HAI	BK10	50-51	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	DO CONG TIEN**	PBDA	69	1	14			72	ANTOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HUNG	TD2	56	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN TUẤN ANH	TD2	53	1	5			92	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THE CHUYỀN	TD2	57	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
10	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	55	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MINH ĐỨC	TD2	58	1	3			94	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ CHI CÔNG	TD2	60-61	2	11			80	KHOAN	Vietnamese
13	MAI ĐỨC THÂN	TD2	54	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TUẤN	TD2	62	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
15	HA DUY ĐỒNG	TD2	65	1	13			93	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUNG	TD2	64	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH DUY HAI	TD2	67	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ VĂN HUNG	TD2	66	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
19	BUI NGOC QUANG	TD2	63	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN HUNG ANH	TD2	52	1	6			68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TUẤN	TD2	59	1	3			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	5	370	7	66	2	30	0		
2	PBDA	1	72	1	14	0	0	0		
3	TD2	15	1.148	16	101	0	0	22		
TOTAL		21	1.590	24	181	2	30	22		
WEIGHT KG			1.590		181		30			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỈNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO:GTC1 - BK4 - TD1	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/2050	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM VAN KY	GTC1	15	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HAI THANG	GTC1	14	1	12			75	DVL	Vietnamese
3	VU VAN KIEN	TD1	58	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
4	VU TU NAM	TD1	68	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	63	1	2			62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN DAT	TD1	60	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM ĐANG NINH	TD1	64	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM MINH HIEU	TD1	53	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOAN VAN KHANH	TD1	61	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN HOANG SON	TD1	65	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
11	HA MINH TUAN	TD1	59	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐOÌ	TD1	54-55	2	11			76	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN BÌNH	TD1	62	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD1	66	1	7			82	KHOAN	Vietnamese
15	DOROSHENKO MAXIM	TD1	57	1	10			97	KHOAN	Russian
16	PHẠM TIEN NINH	TD1	67	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	70	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ LÊ NGỌC HOANG	TD1	56	1	5	1	20	55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	2	143	2	24	0	0	0	2	CHUYEN 2 PAX GTC1-BK4
2	BK4	0	0	0	0	0	0	0		
3	TD1	16	1.133	17	87	1	20	22		
TOTAL		18	1.276	19	111	1	20	22		
WEIGHT KG			1.276		111		20			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐÌNH THỊ HOA

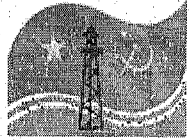
NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 12/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: P2 - CTK3 - CLO	CREW: HUNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/2048	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NGOC TUNG	P2	22	1	6	3	34	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN ANH	P2	23	1	13	2	25	69	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN VAN CHANH	CTK3	60	1	10	1	20	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MANH	CTK3	61	1	14			59	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN TUAN	CTK3	62-63	2	14			60	BIEN DONG	Vietnamese
6	NGUYEN BA THANG	CTK3	64	1	9			54	BIEN DONG	Vietnamese
7	LE VIET DONG	CTK3	65-66	2	19			58	BIEN DONG	Vietnamese
8	NGUYEN DANG MANH	CLO	46	1	6			52	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	47	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHANH	CLO	57	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CHI NGHIEP	CLO	49-50	2	9			80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN SI LONG	CLO	51	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
13	TU QUOC VIET	CLO	54	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	CLO	48	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
15	LAM XUAN TU	CLO	53	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
16	VUONG NGOC HOAN	CLO	52	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
17	VU HAI LONG	CLO	43	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN TUAN	CLO	40-41	2	19			66	KHOAN	Vietnamese
19	VO SI HOAI THANH	CLO	44-45	2	8			63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH TIEN	CLO	42	1	3			95	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN GIANG	CLO	56	1	5			74	DVL	Vietnamese
22	BUI DUC KHANH	CLO	55	1	8			52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	2	144	2	19	5	59	0		CHUYEN 2 PAX P2-CTK3
2	CTK3	5	296	7	66	1	20	0		
3	CLO	15	1.072	18	114	0	0	22		
TOTAL		22	1.512	27	199	6	79	22		
WEIGHT KG			1.512		199		79			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

NGUYEN THI MY HANH

LÊ QUÝ HUNG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:SAVR- CTK3	CREW: LINH - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/2051	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐINH NGỌC HIẾU	SAVR	29-30	2	14			70	PVDWS	Vietnamese
2	HỒ TRỌNG ĐÔNG	SAVR	28	1	9			82	PVDWS	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN TÂM	SAVR	32	1	9			71	PVDWS	Vietnamese
4	LE TUNG PHONG	SAVR	31	1	11			63	PVDWS	Vietnamese
5	LE HOAI THIÊN	SAVR	23	1	16			76	DVL	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HUNG	SAVR	26-27	2	14			68	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HIỆP	SAVR	24	1	16			76	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC LONG	SAVR	25	1	6			68	DVL	Vietnamese
9	PHAM VAN TAN	CTK3	47	1	10			89	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN NIN	CTK3	48-49	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
11	VU VAN HUY	CTK3	50	1	16			62	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI DINH NGOC	CTK3	57-58	2	18			51	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN HIEN	CTK3	01-02	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC PHI	CTK3	55-56	2	15			67	XAYLAP	Vietnamese
15	NHAM DINH THUAN	CTK3	51-52	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI KHAC SON	CTK3	53-54	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN TIEN TRUONG	CTK3	44	1	15	2	18	68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN SONG TOAN	CTK3	42-43	2	15			59	BIENDONG	Vietnamese
19	TRUONG MINH THE	CTK3	40-41	2	13			59	BIENDONG	Vietnamese
20	LE HONG QUAN	CTK3	03-04	2	17			63	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	8	574	10	95	0	0	1		
2	CTK3	12	783	21	195	2	18	0		
TOTAL		20	1.357	31	290	2	18	1		
WEIGHT KG			1.357		290		18			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ